

Số: ~~26~~ /2013/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét Tờ trình số 3993/TTr - UBND ngày 25/11/2013 của UBND tỉnh và Tờ trình số 4085/TTr-UBND ngày 29/11/2013 của UBND tỉnh “Về Đề án Số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ”; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố như sau:

A. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố:

I. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách:

[Chữ ký]

1. Ở xã, phường, thị trấn:
 - a) Phó Chỉ huy trưởng quân sự;
 - b) Phó Trưởng Công an xã;
 - c) Chủ tịch Hội người cao tuổi;
 - d) Chủ tịch Hội chữ thập đỏ;
 - d) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
 - e) Chủ tịch Hội liên hiệp Thanh niên xã, phường, thị trấn;
 - g) Tổ chức Đảng;
 - h) Kiểm tra Đảng;
 - i) Tuyên giáo;
 - k) Dân vận;
 - l) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
 - m) Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ;
 - n) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
 - o) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
 - p) Văn phòng Đảng ủy (ở các xã loại 2 có trên 8.000 dân đối với vùng đồng bằng, trên 5.000 dân đối với vùng miền núi và xã, phường, thị trấn loại 3);
 - q) Kế hoạch – Giao thông – Thủy lợi ở xã hoặc Kế hoạch – Thương mại dịch vụ - Đô thị ở phường loại 2, loại 3 và ở thị trấn;
 - r) Thông tin – Truyền thông (phụ trách Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn);
 - s) Văn thư - Lưu trữ - Thù quỹ (ở các xã, thị trấn loại 3).

Chức danh Phó Chỉ huy trưởng quân sự được bố trí 02 người đối với mỗi xã, phường, thị trấn loại 1, bố trí 01 người đối với mỗi xã, phường, thị trấn còn lại. Trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết, tùy tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn bố trí đủ số lượng Phó Chỉ huy trưởng quân sự ở các xã, phường, thị trấn loại 2 và các xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng - an ninh theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ đảm bảo tốt công tác quốc phòng - an ninh ở địa phương.

2. Ở thôn, bản, khu phố (gọi chung là thôn):

- a) Bí thư Chi bộ; Bí thư Đảng ủy bộ phận; Bí thư Chi bộ trực thuộc Đảng ủy bộ phận;
- b) Trưởng thôn;
- c) Công an viên.

II. Mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách:

Mức phụ cấp hàng tháng đối với các chức danh những người hoạt động không chuyên trách được tính theo hệ số và áp dụng mức lương cơ sở theo Nghị định 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ “về quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang” và được điều chỉnh theo quy định của Chính phủ.

1. Ở xã, phường, thị trấn:

- a) Nhóm 1, áp dụng đối với 05 chức danh: Phó Chỉ huy trưởng quân sự; Phó Trưởng Công an xã; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ; Phó Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc.

- Hệ số 1,1 đối với người chưa có trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp

- Hệ số 1,21 đối với người có trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 1,32 đối với người có trình độ cao đẳng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 1,43 đối với người có trình độ đại học chuyên môn, nghiệp vụ trở lên.

b) Nhóm 2, áp dụng đối với 13 chức danh: Tổ chức Đảng; Kiểm tra Đảng; Tuyên giáo; Dân vận; Chủ tịch Hội liên hiệp Thanh niên xã, phường, thị trấn; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Văn phòng Đảng ủy; Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi ở xã hoặc Kế hoạch - Thương mại Dịch vụ - Đô thị (ở phường loại 2, loại 3 và ở thị trấn); Thông tin - Truyền thông (Phụ trách Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn); Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ.

- Hệ số 1,0 đối với người chưa có trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 1,1 đối với người có trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 1,2 đối với người có trình độ cao đẳng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 1,3 đối với người có trình độ đại học chuyên môn, nghiệp vụ trở lên.

2. Ở thôn, bản, khu phố (gọi chung là thôn):

a) Nhóm 1, áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ thôn loại 1 và Bí thư Đảng ủy bộ phận; Trưởng thôn loại 1; Công an viên thôn loại 1.

- Hệ số 0,9 đối với người chưa có trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 0,99 đối với người có trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 1,08 đối với người có trình độ cao đẳng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 1,17 đối với người có trình độ đại học chuyên môn, nghiệp vụ trở lên;

b) Nhóm 2, áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ thôn loại 2; Trưởng thôn loại 2; Công an viên thôn loại 2.

- Hệ số 0,8 đối với người chưa có trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 0,88 đối với người có trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 0,96 đối với người có trình độ cao đẳng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 1,04 đối với người có trình độ đại học chuyên môn, nghiệp vụ trở lên.

c) Nhóm 3, áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ thôn loại 3 và Bí thư Chi bộ trực thuộc Đảng ủy bộ phận; Trưởng thôn loại 3; Công an viên thôn loại 3 và những thôn bố trí 2 công an viên.

- Hệ số 0,75 đối với người chưa có trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 0,83 đối với người có trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 0,9 đối với người có trình độ cao đẳng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Hệ số 0,97 đối với người có trình độ đại học chuyên môn, nghiệp vụ trở lên;

III. Chế độ kiêm nhiệm chức danh:

7-

1. Cán bộ, công chức cấp xã được giao kiêm nhiệm thêm chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hoặc kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố (theo quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ) thì được hưởng thêm phụ cấp 30% của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng 30% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất;

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được giao kiêm nhiệm chức danh những người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, hoặc chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố (theo quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ) thì được hưởng thêm phụ cấp 50% chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất;

3. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố được giao kiêm nhiệm chức danh những người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, bản, khu phố (theo quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ) thì được hưởng thêm phụ cấp 70% chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng 70% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất.

IV. Các chế độ, chính sách khác:

1. Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách Trung ương bằng 3% mức phụ cấp hàng tháng (trừ những trường hợp đã có chế độ bảo hiểm y tế);

2. Phó Chi huy trưởng quân sự xã, phường, thị trấn hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng theo Nghị quyết này và được hưởng các chế độ chính sách khác quy định tại Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ và Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND ngày 13/4/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

3. Phó Trưởng Công an xã hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng theo Nghị quyết này và được hưởng các chế độ chính sách khác quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

B. Khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; khoản quỹ phụ cấp và kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, bản, khu phố

I. Các tổ chức chính trị - xã hội được khoán kinh phí

1. Ở xã, phường, thị trấn:

- a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- b) Hội Nông dân;
- c) Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- d) Hội Cựu chiến binh;
- d) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.



2. Ở thôn, bản, khu phố:

- a) Ban Công tác mặt trận ở khu dân cư;
- b) Chi hội Hội Nông dân;
- c) Chi hội Hội Phụ nữ;
- d) Chi hội Hội Cựu chiến binh;
- đ) Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- e) Chi hội Hội Người cao tuổi.

II. Mức khoán

1. Ở xã, phường, thị trấn:

Bố trí khoán kinh phí hoạt động cho mỗi tổ chức chính trị - xã hội tối thiểu là 8.000.000 đồng/năm (tám triệu đồng/năm).

2. Ở thôn, bản, khu phố (không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ)

Các tổ chức ở thôn, bản thuộc xã đặc biệt khó khăn:

- Ban công tác mặt trận ở khu dân cư:

+ Hỗ trợ quỹ phụ cấp: 7.000.000 đồng/ban/năm (bảy triệu đồng/ban/năm);

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động: 2.000.000 đồng/ban/năm (hai triệu đồng/ban/năm);

- Chi hội Hội Nông dân, Chi hội Hội Phụ nữ, Chi hội Hội Cựu chiến binh và Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

+ Hỗ trợ quỹ phụ cấp: 5.500.000 đồng/chi hội/năm (năm triệu năm trăm ngàn đồng/chi hội/năm);

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động: 2.000.000 đồng/chi hội/năm (hai triệu đồng/chi hội/năm);

b) Các tổ chức ở thôn, bản, khu phố còn lại:

- Ban công tác mặt trận ở khu dân cư:

+ Hỗ trợ quỹ phụ cấp: 7.000.000 đồng/ban/năm (bảy triệu đồng/ban/năm);

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động 1.000.000 đồng/ban/năm.

- Chi hội Hội Nông dân, Chi hội Hội Phụ nữ, Chi hội Hội Cựu chiến binh và Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (gọi tắt là chi hội).

+ Hỗ trợ quỹ phụ cấp: 5.500.000 đồng/chi hội/năm (năm triệu năm trăm ngàn đồng/chi hội/năm);

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động: 1.000.000 đồng/chi hội/năm (một triệu đồng/chi hội/năm);

- Chi hội người cao tuổi: Hỗ trợ quỹ phụ cấp 5.500.000 đồng/chi hội/năm (năm triệu năm trăm ngàn đồng/chi hội/năm).

c) Đối với các chức danh và tổ chức thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ, ngân sách nhà nước chi bằng tiền mặt cho cá nhân, tổ chức. Nội dung chi hoạt động do tổ chức chính trị - xã hội quyết định và lập báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

Đối với kinh phí thuộc nguồn ngân sách của địa phương hỗ trợ quỹ phụ cấp cho Ban Công tác mặt trận, Ban Chấp hành các chi hội và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, bản, khu phố được cấp bằng tiền mặt; Thường trực Ban Công tác mặt trận, Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội quyết định cụ thể mức phụ cấp, nội dung hoạt động và sáu tháng công khai một lần để đoàn viên, hội viên biết.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thay thế Nghị quyết số 09/2010/NQ-HĐND 23/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố.

Khi Chính phủ thay đổi mức lương cơ sở thì mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách quy định tại Nghị quyết này được điều chỉnh tương ứng và do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2013./.

Nơi nhận:

- UBTWMTTQVN;
- Văn phòng QH, VP CP, VP CTN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ KH-ĐT, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- BTL Quân khu 4;
- TV Tỉnh uỷ, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TAND, Viện KSND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ, VP Đoàn ĐBQH & HĐND, VP UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội, các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn thể cấp tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Trị;
- TT Lưu trữ, Công báo tỉnh;
- TT HĐND thị xã, thành phố, huyện đảo;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Lê Hữu Phúc